



三花棉業

2018 三花 TPGA 錦標賽 第二回合編組表

2018 Sun Flower TPGA Championship

Round 2 Grouping

Tong Hwa Golf & Country Club

上午場 Morning Session



ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
1	06:30	1	Hsu Li Peng	許立朋	TWN	70	-2	13	06:35	10	Ko Chih Ta	柯志達	TWN	71	-1
			Lin Chien Bing	林健斌	TWN	77	5				Chen Neen Chee	陳銘琦	TWN	78	6
			Chen Kuei Yu	陳奎宇	TWN	77	5				Su Ching An	蘇清安	TWN	76	4
2	06:40	1	Tsai Chuan Chih	蔡顯至	TWN	76	4	14	06:45	10	Lin Keng Wei	林耕緯	TWN	78	6
			Lin Hao Yuan	林浩園	TWN	77	5				Fang Yin Jen	方胤人	TWN	76	4
			Chen Chih Hung	陳志宏	TWN	75	3				Lin Tien Shun	林添順	TWN	77	5
3	06:50	1	Liu Yen Hung	劉嚴鴻	TWN	73	1	15	06:55	10	Liu Yu Jui	劉又睿	TWN	77	5
			Sakchai Sirimaya		THA	74	2				Jay Bayron		PHI	72	E
			Chen Yuan Chi	陳元車	TWN	76	4				Lin Chie Hsiang	林吉祥	TWN	74	2
4	07:00	1	Hong Chia Yuh	洪家煜	TWN	83	11	16	07:05	10	Chen Jung Hsin	陳榮興	TWN	81	9
			Warun Leamgaew		THA	78	6				Jobim Carlos		PHI	75	3
			Lin Wen Hong	林文鴻	TWN	76	4				Yang Fei Hao	楊斐皓	TWN	73	1
5	07:10	1	Yeh Chang Ting	葉彰廷	TWN	75	3	17	07:15	10	Gustavo Chuang	莊達鴻	BRA	80	8
			Antonio Lascaña, Jr.		PHI	71	-1				Chapchai Nirat		THA	70	-2
			Hsu Hao Sheng	許豪升	TWN	74	2				Hsieh Chi Hsien	謝繼賢	TWN	72	E
6	07:20	1	Wang Wei Lun	王偉倫	TWN	72	E	18	07:25	10	Yeh Yu Chen	葉昱辰	TWN	76	4
			Lin Wen Ko	林文科	TWN	73	1				Lu Wei Chih	呂偉智	TWN	73	1
			Huang Chi	黃 頌	TWN	70	-2				Lin Wen Tang	林文堂	TWN	70	-2
7	07:30	1	Peng Hung Ching	彭弘瑾	TWN	74	2	19	07:35	10	Sung Mao Chang	宋孟璋	TWN	73	1
			Tseng Tzu Hsuan	曾子軒	TWN	69	-3				Hsieh Tung Hung	謝東宏	TWN	67	-5
			K.P. LIN	林冠伯	TWN	78	6				Hung Chien Yao	洪健堯	TWN	70	-2
8	07:40	1	Tseh Hong Sheng	曾宏勝	TWN	77	5	20	07:45	10	Lee Cho Chuan	李卓全	TWN	72	E
			Lee Chieh Po	李玠柏	TWN	67	-5				Fan Chiang Hao Chuan	范姜皓詮	TWN	72	E
			Kao Shang Hung	高尚宏	TWN	75	3				Hsieh Chin Sheng	謝錦昇	TWN	74	2
9	07:50	1	Lin Yu Seng	林祐生	TWN	76	4	21	07:55	10	Koji Okajima	岡島 功史	JPN	78	6
			David Gleeson		AUS	73	1				Kao Teng	高 藤	TWN	71	-1
			Tsai Che Hung	蔡哲弘	TWN	81	9				Chen Tze Chung	陳志忠	TWN	72	E
10	08:00	1	Wang Tsung Chieh	汪聰傑	TWN	75	3	22	08:05	10	Blake Snyder		USA	73	1
			Chang Chi Wei	張奇偉	TWN	80	8				David Shen	沈代偉	TWN	82	10
			Lin Cheng Yu	林晟毓	TWN	75	3				Lin Keng Chi	林根基	TWN	73	1
11	08:10	1	Shen Po Shao	沈柏劭	TWN	80	8	23	08:15	10	Hsieh Tung Shu	謝東書	TWN	76	4
			Hsu Lung Hsin	許龍興	TWN	87	15				Digraj Singh Gill		IND	75	3
			Hsieh Min Hsuan	謝旻軒	TWN	72	E				Lee Shih Hung	李士鴻	TWN	69	-3
12	08:20	1	Hu Ke	胡 克	TWN	85	13	24	08:25	10	Tsai Ming Hung	蔡銘鴻	TWN	74	2
			Lee Chi Tsung	李啟宗	TWN	86	14				Lin Shang Tse	林尚澤	TWN	76	4
			Kou Feng Chuan	郭峯銓	TWN	83	11				Huang Hsiang Chia	黃祥嘉 (國訓)	TWN	85	13



三花棉業

2018 三花 TPGA 錦標賽 第二回合編組表

2018 Sun Flower TPGA Championship

Round 2 Grouping

Tong Hwa Golf & Country Club

下午場 Afternoon Session



ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-	ROUND 2			Name	Chinese name	Country	Score	+/-
Group	Time	Tee						Group	Time	Tee					
25	11:05	1	Lee Sheng Chung	李勝忠	TWN	81	9	36	11:00	10	Ho Hao Ching	何昊青	TWN	72	E
			Chen Ming Hsin	陳銘鑫	TWN	77	5				Huang Yen Ping	黃彥彬	TWN	77	5
			Lin Kuan Heng	林冠亨	TWN	84	12				Chiang I An	江以安	TWN	77	5
26	11:15	1	Chen Kuo Jung	陳國俊	TWN	80	8	37	11:10	10	Tu Cheng Huang	杜承晃	TWN	77	5
			Liu Li Wei	劉力維 81	TWN	83	11				Lee Chin Chou	李謹州	TWN	79	7
			Chiang Chen Chih	蔣宸麟	TWN	78	6				Wen Cheng Hsiang	溫楨祥	TWN	73	1
27	11:25	1	Chang Chien Chi	張建棋	TWN	77	5	38	11:20	10	Wang Jen Li	王人立	TWN	77	5
			Chen Chun Li	陳君吏	TWN	77	5				Hsieh Chu Tien	謝主典	TWN	89	17
			Chen Chi Cheng	陳麒丞	TWN	75	3				Wen Chih Hao	溫志豪	TWN	75	3
28	11:35	1	Hung Jui Cheng	洪瑞誠	TWN	81	9	39	11:30	10	Hsu Kuo Hsiung	徐國雄	TWN	80	8
			Chan Sih Chi	詹世吉	TWN	74	2				Huang Bo Rui	黃柏叡	TWN	78	6
			Wang Wei Hsiang	王偉祥	TWN	77	5				Lai Wei Lun	賴韋倫	TWN	75	3
29	11:45	1	Chen Chia Hsuan	陳嘉軒	TWN	76	4	40	11:40	10	He Chin Hung	何勁宏	TWN	73	1
			Chang Hsiu Chi	張修齊	TWN	78	6				Lin Yung Lung	林永龍	TWN	71	-1
			Huang Yi Tseng	黃議增	TWN	78	6				Lien Lu Sen	連驥森	TWN	77	5
30	11:55	1	Chen Yi Tong	陳裔東 (國訓)	TWN	77	5	41	11:50	10	Tsai Chi Huang	蔡啟煌	TWN	74	2
			Wang Shioh Jui	王士瑞	TWN	77	5				Scott Moir		AUS	82	10
			Shen Wei Cheng	沈威成	TWN	74	2				Chan Shih Chang	詹世昌	TWN	77	5
31	12:05	1	Chan Yin Shin	詹益信	TWN	68	-4	42	12:00	10	Hsu Chih Jieh	許智傑	TWN	82	10
			Huang Hsiang Hao	黃祥豪	TWN	73	1				Chiu Han Ting	邱瀚霆	TWN	72	E
			Tsai Tsung Yu	蔡宗佑	TWN	74	2				Yeh Wei Tze	葉偉志	TWN	71	-1
32	12:15	1	WENG YOUNG TIEN	翁永田	TWN	78	6	43	12:10	10	Liu Tse Sen	劉澤森	TWN	74	2
			Hsu Chia Shen	許佳紳	TWN	75	3				Cheng Tswen Chen	鄭存宸	TWN	73	1
			Chen Yi Chian	陳奕騫	TWN	74	2				Hung Chun Kang	洪駿剛	TWN	77	5
33	12:25	1	Tsai Ching Ming	蔡慶明	TWN	80	8	44	12:20	10	Chang Tse Yu	張哲瑜	TWN	74	2
			Yu Cheng Yen	余政諺	TWN	78	6				Hsu Mong Nan	許孟男	TWN	75	3
			Chou Hung Nan	周宏男	TWN	76	4				Hsiao Hung Yu	蕭宏宇	TWN	80	8
34	12:35	1	Tseng Tzu Hao	曾子豪	TWN	77	5	45	12:30	10	Liu Wei Hou	劉威侯	TWN	83	11
			Chen Hui Hung	陳暉泓	TWN	78	6				Chang Yao Pin	張耀濱	TWN	72	E
			Wang Liang Chun	王亮鈞	TWN	77	5				Chen Hao Sen	陳浩森	TWN	77	5
35	12:45	1	Hsu Chih Kai	許智凱	TWN	80	8	46	12:40	10	Chen Nie Yan	陳鐳巖	TWN	79	7
			Su Wen Hsiang	蘇文祥	TWN	76	4				Chang Tse Peng	張澤鵬	TWN	71	-1
			Chang Yuan Kai	張淵凱	TWN	78	6				Chao Chun	趙 羣	TWN	85	13